

SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA CHỨC SẮC LÀNG XÃ TỈNH GIA ĐỊNH ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA TÀI LIỆU ĐỊA BẠ (Nghiên cứu tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương)

NGUYỄN LAN DUNG*

Năm 1836, Minh Mạng cử một đoàn kinh lý Nam Bộ với nhiệm vụ đo đạc đất đai, lập lại địa bạ. Lập địa bạ không chỉ nhằm thống nhất việc quản lý ruộng đất mà còn để nắm rõ thực trạng sở hữu, sử dụng đất đai trong dân chúng nói chung và từng nhóm cư dân nói riêng, trong từng đơn vị hành chính cụ thể. Dựa trên 26 địa bạ được lập trong thời gian này của tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, bài viết khái quát và đưa ra một số đánh giá về tình hình sở hữu ruộng đất của chức sắc làng xã trong tổng.

Từ khóa: địa bạ; ruộng đất; chức sắc, làng xã; thế kỷ XIX

Nhận bài ngày: 12/4/2023; *đưa vào biên tập:* 15/4/2023; *phản biện:* 3/5/2023; *duyet đăng:* 11/6/2023

1. DẪN NHẬP

Cùng với hương ước, gia phả, thần tích, sắc phong..., địa bạ được đánh giá là một trong những nguồn tài liệu gốc quan trọng trong việc nghiên cứu về làng xã cũng như nông thôn Việt Nam qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nếu hương ước được lập ra để quản lý làng xã, gia phả để ghi lại lịch sử ra đời và phát triển của một dòng họ, thần tích ghi chép sự tích về các vị thần được thờ trong đình, miếu, thì

địa bạ là công cụ chủ đạo của chính quyền trong việc quản lý ruộng đất, quản lý dân đinh, binh lính, theo dõi dân số và phân bổ sưu thuế - nguồn thu ngân sách của chính quyền phong kiến. Bởi vậy, từ góc độ của địa bạ và từ những thông tin được chất lọc ra từ đó, nhiều vấn đề thuộc lịch sử làng xã Việt Nam như cơ sở kinh tế, đất đai, quan hệ xã hội, sự phân hóa giai cấp, gia đình, phân bố dân cư... sẽ từng bước được làm sáng tỏ. Bài viết này, dựa trên nguồn tài liệu địa bạ lập năm 1836, tìm hiểu về tình hình sở hữu ruộng đất của một bộ phận chức sắc

* Viện Sử học.

trong tổ chức chính quyền làng xã Việt Nam, trong phạm vi không gian là tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định.

2. GIỚI THIỆU ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN TÀI LIỆU

2.1. Khái quát về địa phương nghiên cứu

Vào đầu thế kỷ XIX, toàn tỉnh Gia Định là một vùng rộng lớn từ tả ngạn sông Sài Gòn tới hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Năm 1836, tỉnh Gia Định gồm 2 phủ là phủ Tân Bình và phủ Tân An, trong đó phủ Tân Bình bao gồm 2 huyện là huyện Bình Dương và huyện Tân Long. Về mặt hành chính, huyện Bình Dương gồm 6 tổng: Bình Trị Hạ, Bình Trị Trung, Bình Trị Thượng, Dương Hòa Hạ, Dương Hòa Trung và Dương Hòa Thượng. Hệ thống hành chính được tổ chức theo mô hình: phủ - huyện - tổng - xã/thôn. Tuy nhiên, có tổng chỉ có thôn hoặc xã, cũng có tổng có cả thôn và xã⁽¹⁾. Tổng Bình Trị Hạ gồm 26 đơn vị hành chính, trong đó có 4 xã (An Hòa, An Nhơn, Bình Hòa, Hanh Thông) và 22 thôn (An Hội, An Lộc, An Lộc Đông, An Phước, An Thạnh Trung, An Xuân, Bình Lý, Bình Lý Đông, Bình Nhan, Hanh Phú, Hanh Thông Tây, Mỹ Thạnh, Phú Nhuận, Tân Đông, Tân Mỹ Đông, Tân Thạnh Đông, Tân Thạnh Tây, Thạnh An, Thạnh Hòa, Thạnh Phú, Thới An, Thới Hoa) (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 209, 211). Trong số đó có thôn Thạnh Hòa là đơn vị hành chính mới được Trương Đăng Quế lập ra trong khi tiến hành đo đạc lại ruộng đất ở đây.

2.2. Nguồn tài liệu và đối tượng nghiên cứu

Địa bạ Nam Kỳ

Tháng 2 năm Minh Mạng thứ 17 (1836), vua Minh Mạng thành lập đoàn kinh lý Nam Kỳ do Binh bộ Thượng thư Cơ mật viện đại thần Trương Đăng Quế, Lại bộ Thượng thư Nguyễn Kim Bật làm Kinh lược đại sứ, Lễ Bộ Thượng thư Hữu thị lang Tôn Thất Bạch và Thông chính sứ Nguyễn Đắc Trí làm Phó sứ cùng đoàn tùy tùng 64 người (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 878). Đoàn kinh lý có ba nhiệm vụ phải thực hiện là tuyển lính, đo đạc ruộng đất và giải quyết những vấn đề chưa thỏa đáng ở Nam Kỳ. Một trong những công việc trọng tâm của đoàn kinh lý là việc đo đạc ruộng đất lập địa bạ vì “Xưa nay ruộng đất đều có ghi rõ mẫu, sào, thước, tấc, đó là phép thường, không thay đổi. Các tỉnh trong khắp nước đều như thế cả, há có lý nào sáu tỉnh Nam Kỳ lại khác, riêng theo nếp cũ hay sao? Trong sổ ruộng ít thấy ghi rõ mẫu, sào và tàng bậc đẳng điền, mà cứ tính là một dây, một thửa, có đến 8,9 phần 10. Như vậy không những hầu như quê mùa, không phải là quy chế thống nhất, mà ranh giới không rõ ràng, lại dễ sinh ra mối tệ. Nếu xảy ra án kiện tranh giành thì đông tây tứ chí lờ mờ, không lấy đâu làm chứng cứ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 879). Công việc được tiến hành khẩn trương và sau 5 tháng, việc đo đạc hoàn thành. Địa bạ của tỉnh Gia Định được lập năm Minh Mạng thứ 17 (1836).

Trên cơ sở các tài liệu địa bạ gốc được lập ra vào những năm này còn lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia 2 (Thành phố Hồ Chí Minh)⁽²⁾, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã dịch, thống kê, đánh giá toàn bộ khối lượng địa bạ của Nam Bộ và sau đó công bố dưới dạng tài liệu qua nhóm công trình *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn* các tỉnh Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Bình Thuận, Bình Định... (1994, 1995, 1996). Trong những công bố này, ngoài việc phân tích tổng quát tình hình sở hữu ruộng đất của từng tỉnh qua tài liệu địa bạ, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu còn giới thiệu bản dịch toàn bộ địa bạ của địa phương đó.

Cấu trúc của một địa bạ được Nguyễn Đình Đầu dịch và công bố gồm: tên xã/thôn; giáp giới (đông, tây, nam, bắc); tổng diện tích, diện tích từng loại đất đai; chủ sở hữu, loại hình sở hữu (phân canh/phụ canh), diện tích; chức sắc trong xã/thôn điểm chỉ xác nhận.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng những số liệu chi tiết của 26 địa bạ của 26 xã/thôn thuộc tổng Bình Trị Hạ đã được Nguyễn Đình Đầu (1994b) đưa ra trong *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Gia Định* để phân tích về tình hình sở hữu ruộng đất của chức sắc tại tổng Bình Trị Hạ, về vai trò và quyền lợi kinh tế của họ trong địa phương thông qua tình hình sở hữu ruộng đất của họ.

Việc lựa chọn tổng Bình Trị Hạ làm địa bàn nghiên cứu có thể diễn giải bằng hai lý do như sau. Về mặt địa lý,

tổng Bình Trị Hạ nằm ở vùng ven thành Gia Định nên quá trình đô thị ở khu vực này sẽ có tác động đến tình hình ruộng đất trong tổng. Do vậy, nghiên cứu về tổng Bình Trị Hạ ít nhiều sẽ làm rõ hơn về sự biến đổi của sở hữu ruộng đất ở khu vực ven đô và từ đó thấy được sự khác biệt của tổng Bình Trị Hạ so với các khu vực khác của Nam Kỳ. Hơn nữa, trong *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Gia Định*, nguồn tài liệu địa bạ về tổng Bình Trị Hạ được dịch, diễn giải cụ thể hơn so với các tổng khác của huyện Bình Dương. Sự phong phú, chi tiết của nguồn địa bạ này là cơ sở để việc phân tích có thể được đầy đủ, rõ ràng hơn.

Đội ngũ chức sắc

Địa bạ sau khi lập xong có sự xác nhận của chức dịch từ cấp tổng trở lên và những người có chức quyền ở trong làng dưới hình thức điểm chỉ, ấn ký. Thông thường, những người tham gia vào điểm chỉ trong địa bạ thuộc hai bộ phận:

Bộ phận thứ nhất là chức dịch, gồm những người trực tiếp điều hành công việc trong làng, chịu trách nhiệm về các công việc của làng trước chính quyền cấp trên (thu tô, thuế, lao dịch...); là trung gian giữa nhà nước và thôn làng, như Lý trưởng, Xã trưởng, Tả bạ, Tri thu ... Người đứng đầu chức dịch là Xã trưởng, Thôn trưởng hoặc Lý trưởng.

Bộ phận thứ hai gọi là sắc mục. Họ không phải là hội đồng, tổ chức do chính quyền cấp trên lập ra và giao

nhệm vụ mà là tập hợp của những người có uy tín, thế lực trong làng xã, như hương mục, hương lão, trùm, lão tín, hương trưởng, dịch mục... Đây chính là bộ phận thực sự có quyền lực trong cộng đồng làng xã, làm chức năng điều hành hội đồng tự quản làng xã (Phan Phương Thảo, 2002: 62).

Hai bộ phận này có nhiệm vụ và chức năng khác nhau nhưng họ lại có mối liên hệ mật thiết với nhau. Vì vậy, ở cuối mỗi địa bạ đều có tên và điểm chỉ của các thành viên của cả hai bộ phận sắc mục và chức dịch. Tuy nhiên, tùy theo đặc điểm của từng làng mà số lượng cũng như chức danh của các chức sắc xuất hiện trong địa bạ cũng khác nhau.

Khảo sát địa bạ tổng Bình Trị Hạ cho biết, những người có chức quyền ở địa phương tham gia kê khai, chịu trách nhiệm, điểm chỉ và ấn ký trên các bản địa bạ của mỗi làng gồm có 2 loại là: Xã trưởng, Thôn trưởng đại diện cho bộ phận chức dịch và Dịch mục đại diện cho bộ phận sắc mục. Nghiên cứu này dựa trên số lượng chức sắc được thống kê từ 26 địa bạ của tổng Bình Trị Hạ và nguồn tài sản

ruộng đất của họ được kê biên trong địa bạ của tổng này (chưa bao gồm phần ruộng đất có thể có ở các tổng khác).

3. TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA CHỨC SẮC TỔNG BÌNH TRỊ HẠ

3.1. Khái quát tình hình sở hữu ruộng đất ở tổng Bình Trị Hạ

Là một trong 6 tổng của huyện Bình Dương, tổng Bình Trị Hạ có diện tích lớn thứ hai trong huyện (xếp sau tổng Bình Trị Thượng). Nguồn tài liệu địa bạ cho biết tổng diện tích đất đai ở Bình Trị Hạ là 1.134,36 mẫu, trong đó công điền, công thổ là 12,511 mẫu, tư điền, tư thổ là 1.121,85 mẫu. Tuy nhiên, diện tích đất đai này phân bố không đồng đều giữa các xã, thôn trong tổng, thậm chí chênh lệch rất lớn (Bảng 1). Trong khi một số thôn có diện tích lên tới trên 200 mẫu như Bình Hòa (216,708 mẫu), Hanh Phú (219 mẫu) thì có những thôn không có công hay tư điền, thổ như Thới An, Thanh Phú. Hai thôn này chủ yếu là đất gò đồi, đất hoang, không được đo đạc (Nguyễn Đình Đầu, 1992: 121).

Bảng 1. Phân bố ruộng đất tại tổng Bình Trị Hạ

STT	Thôn/xã	Diện tích (mẫu)	STT	Thôn/xã	Diện tích (mẫu)
1	An Hòa	81,2	15	Hanh Thông Tây	2,08
2	An Hội	4,6625	16	Mỹ Thạnh	62
3	An Lộc	80,7194	17	Phú Nhuận	38,1175
4	An Lộc Đông	55,63	18	Tân Đông	28,8
5	An Nhơn	23,6355	19	Tân Mỹ Đông	4,47
6	An Phước	40,41	20	Tân Thạnh Đông	8,1725
7	An Thạnh Trung	33	21	Tân Thạnh Tây	1,426

8	An Xuân	36,242	22	Thạnh An	1,005
9	Bình Hòa	216,708	23	Thạnh Hòa	4,836
10	Bình Lý	26,622	24	Thạnh Phú	0
11	Bình Lý Đông	27,23	25	Thới An	0
12	Bình Nhan	44,09	26	Thới Hòa	22,524
13	Hanh Phú	219	15	Hanh Thông Tây	2,08
14	Hanh Thông	71,78	16	Mỹ Thạnh	62

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Diện tích công điền, công thổ chiếm số lượng rất ít so với tư điền, tư thổ. Công điền, công thổ gồm hai loại chính là bản thôn điền chủ (ruộng đất sở hữu riêng của làng) và đất, ruộng của Lê Văn Duyệt bị sung công. Trong khi đó, phân loại tư điền, tư thổ khá đa dạng. Tư điền gồm điền tô điền (ruộng), điền tô điền mới khẩn (ruộng mới khẩn), thảo điền, sơn điền; tư thổ gồm đất trồng cau, đất trồng dâu mía, bản xã thổ trồng dâu, mía, đất gia cư.

1121,85 mẫu tư điền, tư thổ thuộc sở hữu của 580 chủ ruộng, trong đó có 51 người là chức sắc làng xã, 88 người là phụ nữ. Xã Bình Hòa là nơi có nhiều chủ sở hữu nhất (109 người), tiếp đó là xã Hanh Thông (90 người). Tổng diện tích tư điền, tư thổ của tổng phân bố trên 795 thửa. Như vậy, diện tích bình quân của mỗi thửa ruộng là 1,4 mẫu và có tới 615 thửa ruộng không vượt qua giá trị trung bình (chiếm 77,3%). Bình quân sở hữu của mỗi chủ ruộng là 1,9 mẫu, nhưng trong 580 chủ ruộng thì 424 chủ ruộng có sở hữu dưới mức 1,9 mẫu, chiếm 73,1% số chủ (Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu, 1994b). Còn nếu so với mức sở hữu bình

quân của mỗi đình Nam Kỳ là 6 mẫu (Nguyễn Đình Đầu, 1992: 151) thì tại Bình Trị Hạ, có tới 93,6% chủ ruộng có diện tích dưới mức bình quân đó và chỉ nắm giữ 56,3% diện tích ruộng đất; trong khi số chủ ruộng có từ 6 mẫu trở lên chiếm 6,4% lại sở hữu tới 43,7% diện tích. Nếu so sánh với tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định nơi mà bình quân sở hữu của một chủ ở đây là 31,5 mẫu (Trần Thị Thu Lương, 2006: 26) thì cả tổng Bình Trị Hạ chỉ có một chủ ruộng (diện tích 32,85 mẫu) vượt trên giá trị trung bình đó (Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu, 1994b). Những so sánh trên cho thấy tổng Bình Trị Hạ là một vùng tiểu nông. Đây cũng là đặc điểm của huyện Bình Dương (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 191).

3.2. Sở hữu ruộng đất tại tổng Bình Trị Hạ của chức sắc

Thống kê từ 26 địa bạ cho thấy: có tổng cộng 92 chức sắc ấn ký, điểm chỉ ở cuối địa bạ, với 27 Xã/Thôn trưởng (bao gồm 1 cựu Thôn trưởng) và 65 Dịch mục (Bảng 2). Tuy nhiên, số lượng chức sắc phân bố không đồng đều giữa các xã thôn: 1 thôn có 2 chức sắc, 15 thôn có 3 chức sắc, 5

thôn có 4 chức sắc, 5 thôn có 5 chức sắc. Tài liệu địa bạ cũng cho biết tình hình sở hữu ruộng đất của 92 chức sắc này qua việc liệt kê danh sách chủ sở hữu trong từng xã, thôn, theo đó tỷ lệ giữa chức sắc có ruộng và không có ruộng giữa các làng là không đồng đều. Trong số 92 người này, có 41 người không có sở hữu ruộng đất tại làng mình cư trú cũng như các làng khác tại tổng Bình Trị Hạ (chiếm 44,56% tổng số chức sắc của tổng, 15% số chức sắc không có ruộng đất của huyện Bình Dương). Tuy nhiên, không loại trừ trường hợp 41 người này có thể có ruộng đất tại làng thuộc tổng khác, huyện khác dưới hình thức phụ canh (hay còn gọi là xâm canh)⁽³⁾. Bởi theo địa bạ xã Bình Hòa, có trường hợp phụ canh từ tổng Bình Trị Thượng (tỉnh Gia Định) và tỉnh Biên Hòa.

Trong 26 xã, thôn nói trên, toàn bộ chức sắc tại 5 thôn/xã là Thới An, Hanh Thông, Hanh Thông Tây, Thạnh Hòa, Thạnh Phú đều trong tình trạng

không có tài sản ruộng đất tại nơi họ cư ngụ. Hai mươi một xã, thôn còn lại: 7 xã/thôn chức sắc đều có sở hữu (23 người); 14 xã/thôn chỉ có một bộ phận chức sắc có sở hữu (28 người có sở hữu, 24 người không có sở hữu) - trong 24 người này, có 3 người là Xã trưởng, Thôn trưởng; 21 người là Dịch mục.

Hiện tượng những người có chức sắc không có ruộng đất tại nơi cư trú không phải là một điều hiếm gặp và thực trạng này diễn ra ở nhiều làng xã Việt Nam. Tỷ lệ chức sắc không có ruộng ở Hà Đông là 33,09% (Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo, 1995: 606), ở Bình Định là 41,55% (Phan Phương Thảo, 2002: 63), ở Thái Bình là 43,51% (Phan Huy Lê, Nguyễn Đức Nghinh, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo, 1997: 465). Trong huyện Bình Dương, tỷ lệ này lên tới 74% (272 người trong tổng số 367 người) (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 201).

Bảng 2. Tình hình sở hữu ruộng đất của chức sắc tổng Bình Trị Hạ

STT	Thôn/Xã	Tổng số chức sắc	Xã trưởng, Thôn trưởng, cựu Thôn trưởng		Dịch mục	
			Có sở hữu	Không có sở hữu	Có sở hữu	Không có sở hữu
1	An Hòa	3	1		1	1
2	An Hội	3		1	1	1
3	An Lộc Đông	3	2		1	
4	An Lộc	3	1		2	
5	An Nhơn	5	1		2	2
6	An Phước	2		1	1	
7	An Thạch Trung	4	1		3	
8	An Xuân	3	1		1	1
9	Bình Hòa	5	1		1	3

10	Bình Lý Đông	3	1		2	
11	Bình Lý	4	1		3	
12	Bình Nhan	5	1		2	2
13	Hạnh Phú	3	1		1	1
14	Hạnh Thông	5		1		4
15	Hạnh Thông Tây	3		1		2
16	Mỹ Thạnh	3	1		2	
17	Phú Nhuận	3		1	1	1
18	Tân Mỹ Đông	4	1		1	2
19	Tân Đông	5	1		2	2
20	Tân Thạnh Tây	4	1		2	1
21	Tân Thạch Đông	4	1			3
22	Thạnh An	3	1		1	1
23	Thạnh Hòa	3		1		2
24	Thạnh Phú	3		1		2
25	Thới An	3		1		2
26	Thới Hoa	3	1		2	
Tổng		92	19	8	32	33

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Số chức sắc có ruộng trong tổng là 51 người, chiếm 8,79% số chủ ruộng của cả tổng (580 người) và tổng diện tích ruộng đất do họ sở hữu là 139,8185 mẫu, chiếm 12,46% diện tích tư điền, tư thổ của tổng. Phần lớn diện tích sở hữu của chức sắc là loại hình tư thổ; tư điền chiếm số lượng không lớn. Trung bình mỗi chức sắc sở hữu 2,74 mẫu, lớn hơn số ruộng đất bình quân

1,9 mẫu của toàn bộ 580 chủ ruộng ở tổng Bình Trị Hạ.

Mức sở hữu giữa các chủ ruộng, chủ đất thuộc hàng chức sắc trong tổng không đồng đều nhau. Trong tổng số 51 chủ sở hữu, người có mức sở hữu cao nhất là Dịch mục Lê Văn Trụ, thôn Mỹ Thạnh, với 19,9525 mẫu; người sở hữu ít nhất là Dịch mục Nguyễn Văn Xôi, thôn Tân Thạnh Tây, chỉ có 0,121 mẫu.

Bảng 3. Quy mô sở hữu ruộng đất của chức sắc

Quy mô sở hữu (mẫu)	Số chủ		Diện tích	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích (mẫu)	Tỷ lệ (%)
0,1 - dưới 1	20	39,22	9,5550	6,83
1 - dưới 2	10	19,61	14,9515	10,69
2 - dưới 3	6	11,76	15,1260	10,82
3 - dưới 4	5	9,80	16,3360	11,68
4 - dưới 5	2	3,92	8,3945	6,00

5 - dưới 6	2	3,92	11,2100	8,02
6 - dưới 7	1	1,96	6,8365	4,89
7 - dưới 8	1	1,96	7,2000	5,15
8 - dưới 9	2	3,92	16,4050	11,74
Từ 10 mẫu	2	3,92	33,8040	24,18
Tổng	51	100	139,8185	100

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Căn cứ vào Bảng 3, tập trung và có số lượng đông đảo hơn cả là bộ phận chức sắc có mức sở hữu từ 0,1 đến dưới 6 mẫu chiếm tới 88,23% chủ sở hữu, nhưng tổng đất đai họ sở hữu chỉ chiếm 54,04% diện tích, trong đó: số chủ có quy mô sở hữu từ 0,1 đến dưới 1 mẫu là 20 người chiếm 6,83% diện tích, từ 1 đến dưới 3 mẫu là 16 người chiếm 21,51% diện tích, từ 3 đến dưới 4 mẫu là 5 người chiếm 11,68% diện tích, từ 4 đến dưới 6 mẫu là 4 người chiếm 14,02% diện tích. Với mức sở hữu trên 6 mẫu, ở tổng Bình Trị Hạ chỉ có 6 người, chiếm 11,76%, nhưng sở hữu 45,96% diện tích, tức 64,2455 mẫu, trong đó có 2 người có sở hữu trên 10 mẫu. Đó là Xã trưởng Nguyễn Công Điều (xã Bình Hòa) (13,8515 mẫu) và Dịch mục Lê Văn Trụ (thôn Mỹ Thạnh) (19,9525 mẫu). Những kết quả này cho thấy sở hữu ruộng đất của chức sắc không vượt ra khỏi những phân tích đã chỉ ra ở trên về sở hữu ruộng đất của các chủ ruộng trong tổng. Trong một vùng có ruộng đất tư có xu hướng phát triển như tổng Bình Trị Hạ mà mức sở hữu dưới 6 mẫu chiếm đa số đã cho thấy sở hữu nhỏ không chỉ

là đại diện cơ bản cho quy mô sở hữu của nông dân trong tổng mà còn là của cả bộ phận chức sắc.

Việc phân bổ quyền lực giữa chức dịch và kỳ mục làng xã có thể chỉ mang tính tương đối. Những người đã từng tham gia hội đồng chức dịch trong làng sau khi hết nhiệm vụ có thể tiếp tục tham gia hội đồng kỳ mục của làng, vẫn được sự tín nhiệm của làng xã. Vì vậy, cựu Thôn trưởng Nguyễn Văn Tráng sau khi thôi chức vụ vẫn được điểm chỉ trong địa bạ của An Lộc Đông thôn và trong phần kê khai ruộng đất vẫn được ghi lại chức danh mình đã làm trong làng xã.

Việc sở hữu không tập trung, manh mún là đặc điểm dễ nhận thấy khi phân tích về sở hữu ruộng đất của chức sắc. Tổng diện tích 139,8185 mẫu ruộng đất của 51 chủ ruộng được phân bố trên 88 thửa ruộng khác nhau, tức trung bình mỗi thửa ruộng có diện tích là 1,58 mẫu. Có tới 41,14% số chủ ruộng phải sở hữu diện tích phân tán, và ngay diện tích của từng thửa cũng rất hạn chế. Số thửa ruộng có diện tích dưới 0,1 mẫu chiếm 3,02%, trong khi tổng số thửa có diện tích trên 7

mẫu chỉ có 2,52% với 20,47% diện tích. Tuy nhiên, chiếm số lượng nhiều nhất là những thửa ruộng có diện tích từ 0,1 đến 2 mẫu với tỷ lệ là 69,35%, chiếm 31,41% tổng diện tích (Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu, 1994b). Nói cách khác, quy mô 0,1-2 mẫu là khá phổ biến cho diện tích từng thửa ruộng mà các chức sắc sở hữu. Trường hợp của Xã trưởng Nguyễn Công Điều ở xã Bình Hòa có thể là trường hợp đặc biệt nhất trong số các chức sắc ở tổng, bởi không chỉ là người có diện tích nhiều thứ hai trong

nhóm chức sắc (13,8515 mẫu), Xã trưởng này còn là người có nhiều thửa nhất (9 thửa), trung bình mỗi thửa có diện tích là 1,53 mẫu (Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 276-278, 280, 282).

Tìm hiểu về cơ sở kinh tế, mà cụ thể là về sở hữu ruộng đất của hai đại diện cho hai bộ phận chức sắc của làng xã được ghi tên trong địa bạ là Xã trưởng và Dịch mục có thể góp phần hiểu thêm về mối liên hệ giữa quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị của hai bộ phận này.

Bảng 4. Quy mô sở hữu của Dịch mục

Quy mô sở hữu (mẫu)	Số chủ		Diện tích	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích (mẫu)	Tỷ lệ (%)
0,1 - dưới 1	12	37,50	5,0170	5,72
1 - dưới 2	6	18,75	9,0780	10,37
2 - dưới 3	4	12,50	10,0735	11,49
3 - dưới 4	4	12,50	13,2100	15,07
4 - dưới 5	1	3,13	4,0000	4,56
5 - dưới 6	2	6,25	11,2100	12,79
6 - dưới 7	1	3,13	6,8365	7,80
8 - dưới 9	1	3,13	8,2525	9,42
Từ 10 mẫu	1	3,13	19,9525	22,77
Tổng	32	100	87,6300	100

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Bảng 5. Quy mô sở hữu của Xã trưởng, Thôn trưởng

Quy mô sở hữu (mẫu)	Số chủ		Diện tích	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Diện tích (mẫu)	Tỷ lệ (%)
0,1 - dưới 1	8	42,11	4,5380	8,70
1 - dưới 2	4	21,05	5,8735	11,25
2 - dưới 3	2	10,53	5,0525	9,68
3 - dưới 4	1	5,26	3,1260	5,99
4 - dưới 5	1	5,26	4,3945	8,42

7 - dưới 8	1	5,26	7,2000	13,80
8 - dưới 9	1	5,26	8,1525	15,62
Từ 10 mẫu	1	5,26	13,8515	26,54
Tổng	19	100	52,1885	100

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Theo bảng 4 và 5 cho biết, tỷ lệ Xã/Thôn trưởng có sở hữu là 70,37% (19 người trong số 27 người), Dịch mục là 49,2% (32 người trong số 65 người). Trong khi đó, tỷ lệ chức sắc có ruộng trong tổng là 55,43%. Như vậy, tỷ lệ Xã/Thôn trưởng có ruộng đất không những cao hơn tỷ lệ trung bình của chức sắc có ruộng mà còn cao hơn cả tỷ lệ của Dịch mục. Nếu xét trên tổng diện tích sở hữu của Xã/Thôn trưởng và Dịch mục thì có thể thấy, 19 Xã, Thôn trưởng sở hữu tổng cộng 52,1885 mẫu, bình quân sở hữu là 2,746 mẫu. Trong khi đó, 32 Dịch mục sở hữu 87,63 mẫu, bình quân sở hữu của nhóm này là 2,7387 mẫu. Như vậy, mức sở hữu của Xã/Thôn trưởng và Dịch mục là tương đương nhau, xấp xỉ mức sở hữu trung bình của chức sắc trong tổng (2,74 mẫu) nhưng cao hơn so với mức sở hữu trung bình của một chủ ruộng trong tổng (1,9 mẫu). Tuy nhiên, xét tính trong một tổng có tư hữu phát triển mạnh gấp 90 lần ruộng đất công và chiếm 98,9 tổng diện tích thực canh của cả tổng (diện tích ruộng đất công là 12,511 mẫu; ruộng đất tư là 1121,85 mẫu) (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 263) thì mức sở hữu như vậy là quá nhỏ.

Tính chất sở hữu manh mún không chỉ đúng với Bình Trị Hạ nói riêng mà còn đúng với cả huyện Bình Dương, bởi tổng Bình Trị Hạ có diện tích điền thổ thực canh là 1.134,36 mẫu (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 263), đứng thứ hai trong các tổng của huyện Bình Dương (diện tích thực canh của huyện Bình Dương là 3.193,1 mẫu (Nguyễn Đình Đầu, 1994b: 238)⁽⁴⁾). Với Xã/Thôn trưởng, số người có sở hữu từ 10 mẫu trở lên là 1 người nắm trong tay 26,54% diện tích. Trong khi đó, cũng chỉ có 1 Dịch mục có sở hữu từ 10 mẫu trở lên và mức độ sở hữu của họ chiếm 22,77%.

3.3. Hiện tượng phụ canh trong chức sắc

Thông tin từ nguồn địa bạ của tổng Bình Trị Hạ cho biết phụ canh là một hiện tượng khá phổ biến trong làng xã. Trong việc kê khai chủ sở hữu khi lập địa bạ, phần ruộng nào thuộc sở hữu của người trong thôn, xã được ghi là *phân canh/phân thực*, nếu chủ sở hữu là người ngoài thôn thì ghi là *phụ canh/phụ thực*; không có sự khác nhau về quyền sở hữu cũng như nghĩa vụ với nhà nước (cụ thể là thuế ruộng đất tư) giữa người phân canh và người phụ canh.

Bảng 6. Diện tích phụ canh và phân canh của chức sắc ở tổng Bình Trị Hạ

STT	Chủ sở hữu	Chức vụ	Xã, thôn	Phân canh		Phụ canh		
				Số thửa	Diện tích (mẫu)	Số thửa	Diện tích (mẫu)	Địa điểm
1	Đinh Văn Dương	Dịch mục	Hanh Phú	1	2,284	1	0,963	An Xuân
2	Đỗ Văn Trúc	Dịch mục	An Hòa			1	0,6	Bình Lý Đông
3	Lê Phước Hoa	Thôn trưởng	Hanh Phú	2	6,55	1	1,6	An Lộc
4	Lê Văn Cư	Thôn trưởng	Mỹ Thạnh	1	1,2	1	6	An Hòa
5	Lê Văn Trụ	Dịch mục	An Lộc Đông	2	19,2	1	0,7525	Mỹ Thạnh
6	Nguyễn Văn Ân	Dịch mục	Bình Nhan	1	2	2	3,4	An Lộc Đông
7	Nguyễn Văn Đức	Dịch mục	Bình Lý Đông	2	2,8	2	4,03	Bình Lý An Xuân
8	Nguyễn Văn Ruộng	Dịch mục	An Nhơn			1	1,62	An Lộc
9	Nguyễn Văn Thạnh	Dịch mục	Tân Thạnh Tây	1	0,184	1	1	Bính Nhan
10	Nguyễn Văn Túc	Dịch mục	An Thạnh Trung			2	0,349	Bình Lý
11	Nguyễn Văn Tường	Dịch mục	Mỹ Thạnh	2	1,65	1	1	An Lộc
Tổng				12	36,868	14	21,3125	

Nguồn: Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu (1994b).

Theo địa bạ tổng Bình Trị Hạ, có 174 người phụ canh trên diện tích 378,093 mẫu ruộng (Nguyễn Lan Dung, tổng hợp từ Nguyễn Đình Đầu, 1994b). Trong đó, số chức sắc có phụ canh là 11 người với tổng diện tích là 21,3125 mẫu (Bảng 6), chiếm 6,32% số chủ ruộng có phụ canh với diện tích bằng 5,63% diện tích đất phụ canh trong cả tổng. 11 người này cũng chiếm 21,56% số chức sắc có ruộng đất (51 người) và diện tích phụ canh của họ tương đương 15,24% diện tích ruộng đất của chức sắc trong tổng. Những thông tin này cho thấy, diện tích phụ canh không lớn và số lượng chức sắc đi phụ canh là không cao (11,95% tổng số chức sắc của cả tổng - 92

người). Tuy nhiên, mức độ phổ biến của hiện tượng này không giống nhau giữa các làng. 11 người này có nguồn gốc từ 9 làng và bình quân sở hữu của họ là 5,26 mẫu (phân canh và phụ canh), cao hơn 2,7 lần so với sở hữu trung bình của một chủ ruộng (1,9 mẫu). Mỗi chức sắc này sở hữu trung bình 3,32 mẫu ruộng phân canh, trong khi mức sở hữu phụ canh tương ứng là 1,93 mẫu.

11 chức sắc có phụ canh tại 8 làng thì 2 người là Thôn trưởng, còn lại đều là Dịch mục. Trong số 9 xã/thôn chức sắc có phụ canh thì 7 xã/thôn chỉ có 1 người phụ canh, 2 xã/thôn có 2 người có phụ canh và trường hợp này đều là Thôn trưởng. Tuy nhiên, có một điểm

đáng chú ý là không có trường hợp phụ canh ngược trở lại - là hiện tượng chúc sắc làng này phụ canh làng kia thì chúc sắc làng kia phụ canh lại ruộng đất làng này. Những phân tích trên đây của chúng tôi mới chỉ ở trong một phạm vi nhỏ là tổng Bình Trị Hạ, vì vậy, không loại trừ trường hợp các chúc sắc trong tổng có ruộng đất tại các tổng, huyện khác.

Vấn đề phụ canh có thể được diễn giải sâu hơn khi lấy một ví dụ về mối quan hệ giữa phân canh và phụ canh thông qua phân tích số liệu liên quan đến chúc sắc trong tổng. Cả tổng có 11 chúc sắc có phụ canh thì chỉ có 3 chúc sắc là hoàn toàn không có phân canh, 8 trường hợp còn lại vừa có phân canh, vừa có phụ canh. Số liệu từ Bảng 6 cho biết có 4 trong số 8 chúc sắc này có mức phụ canh thấp hơn phân canh. Dịch mục Lê Văn Trụ ở thôn An Lộc Đông có diện tích phân canh cao gấp 25,5 lần (cao nhất) diện tích phụ canh và thấp nhất là Dịch mục Nguyễn Văn Thạnh ở thôn Tân Thạnh Tây, với tỷ lệ là 0,18 lần. Tổng diện tích phụ canh của 11 chúc sắc này bằng 58,19% tổng diện tích phân canh và chiếm 36,78% tổng diện tích phân canh, phụ canh do họ sở hữu. Người có phụ canh nhiều nhất là 6 mẫu, thấp nhất là 0,34 mẫu. Điều đó có thể phần nào cho thấy rằng, những người đi xâm canh phần lớn là những người đã có sở hữu tại làng của mình. Tuy nhiên, mức sở hữu đó lại quá ít ỏi và phần ruộng đất mà họ có tại những làng khác thường nhiều hơn ruộng đất

tại làng xã của họ. Tại thôn An Lộc, trong 21 chủ ruộng phụ canh tại làng này thì có 3 người là chúc sắc (có nguồn gốc từ Hanh Phú, An Nhơn, Mỹ Thạnh), nắm 9,4% diện tích phụ canh của thôn. Hoặc tại thôn An Hòa, chúc sắc duy nhất có phụ canh ở đây là Thôn trưởng Lê Văn Cư từ thôn Mỹ Thạnh với 6 mẫu, chiếm khoảng 1/12 diện tích phụ canh của làng. Đây cũng là người có mức phụ canh lớn nhất trong số các chúc sắc và trong tổng số 174 chủ ruộng nói chung có phụ canh trên toàn tổng.

Hiện tượng phụ canh khó có thể chỉ giải thích bằng lý do vị trí địa lý, vì phần lớn chúc sắc có phụ canh tại những làng khá cách xa làng mình. Hơn nữa, diện tích phụ canh lớn hay nhỏ đều có liên quan chặt chẽ đến cơ sở ruộng đất của xã/thôn có người đi phụ canh và xã/thôn có người đến phụ canh, của bản thân người đi phụ canh. Trường hợp của 11 chúc sắc này cũng như 174 người đi xâm canh của cả tổng có lẽ phần nào còn xuất phát từ mối quan hệ đa chiều trong làng xã, những nghĩa vụ mang tính chất lệ làng quá phức tạp để khai thác ruộng đất. Đôi khi, những mối quan hệ gia đình, dòng tộc, nguồn gốc cũng có thể là một lý do để lý giải hiện tượng này.

4. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Từ kết quả phân tích địa bạ trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét sơ bộ về tình hình sở hữu ruộng đất của chúc sắc tại tổng Bình Trị Hạ nói riêng vào nửa

đầu thế kỷ XIX trước khi chịu những tác động từ chính sách ruộng đất của chính quyền trung ương⁽⁵⁾.

1. Sở hữu ruộng đất của chức sắc tại tổng Bình Trị Hạ về cơ bản là sở hữu nhỏ và không tập trung, sở hữu lớn rất hạn chế. Trong huyện Bình Dương, tình hình tại tổng Bình Trị Hạ không phải là cá biệt, nhưng nếu so với các tỉnh khác của Nam Bộ thì tổng Bình Trị Hạ lại là trường hợp đặc biệt, bởi mức sở hữu của chức sắc được coi là lớn của tổng Bình Trị Hạ thì chỉ tương đương mức sở hữu trung bình của chức sắc các địa phương khác (sở hữu bình quân ruộng đất của chức sắc ở thôn Tân Hựu, tỉnh An Giang là 21,2 mẫu; ở thôn Phú Phong, tỉnh Vĩnh Long là 134,93 mẫu; ở thôn Bình Phục Nhứt, tỉnh Định Tường là 35,1 mẫu (Nguyễn Đình Đầu, 1994a: 170, 171); không những vậy, sở hữu của chức sắc cũng rất mạnh mún.

2. Ruộng đất phân bố không đồng đều giữa các chức sắc. Với đặc điểm sở hữu nhỏ chiếm đa số, ruộng đất rải rác, nên phần đông chức sắc của tổng Bình Trị Hạ thuộc tầng lớp tiểu nông, tức là cũng giống như đại bộ phận chủ ruộng trong tổng lúc bấy giờ.

3. Trong cuộc cải cách ở cấp địa phương năm 1828, vua Minh Mạng quy định những người giữ chức Lý trưởng hay Xã trưởng phải đáp ứng yêu cầu là có một cơ sở kinh tế ruộng đất nhất định (Nguyễn Minh Tường, 1996: 162). Trên thực tế, tài liệu địa bạ đã cho thấy chỉ có 18 trong số 26 thôn, Xã trưởng là có sở hữu ruộng

đất trong tổng. Hơn nữa, sở hữu của Xã trưởng, Thôn trưởng là sở hữu nhỏ. Điều này đưa đến một giả thiết rằng Xã/Thôn trưởng không phải lúc nào cũng là những người có quyền lực kinh tế mạnh; và do vậy không phải lúc nào và ở đâu thì chức sắc làng xã cũng đồng thời là cường hào ở địa phương.

4. Hiện tượng phụ canh khá phổ biến trong bộ phận chức sắc làng xã Bình Trị Hạ. Hiện tượng này có lẽ không chỉ dừng lại giữa các làng trong tổng với nhau mà còn có thể lan rộng giữa các xã/thôn trong huyện, trong tỉnh. Hiện tượng này xuất hiện với tần số không nhỏ. Quy mô xâm canh của các chức sắc là không lớn, thậm chí còn ít hơn mức thực canh của họ, địa điểm phụ canh lại cách xa nơi sinh sống nhưng họ vẫn thực hiện việc xâm canh, bởi xâm canh không chỉ giúp các chủ ruộng mở rộng diện tích đất sản xuất mà còn tăng khả năng phát triển kinh tế gia đình. Điều đó cũng cho thấy một đặc tính nổi bật của làng xã Nam Bộ, nói chung, là tính chất mở; và bộ phận chức sắc cũng không nằm ngoài đặc tính đó.

5. KẾT LUẬN

Địa bạ là một nguồn tài liệu phong phú, có giá trị cao về mặt thông tin để tìm hiểu các vấn đề thuộc về đời sống làng xã Việt Nam, trong đó có đội ngũ chức sắc làng xã. Dù nguồn tài liệu địa bạ chưa thể đưa ra được một bức tranh cụ thể về toàn bộ quá trình vận động của những người vẫn được coi là có vai trò trong tổ chức chính quyền

làng xã, nhưng qua địa bạ, những đặc điểm cơ bản của đội ngũ chúc sắc đã từng bước trở nên rõ nét hơn. Quy mô sở hữu hạn chế, ruộng đất manh mún lại phân tán thực sự chưa đủ sức tạo ra cơ sở kinh tế ổn định, cũng tức là những lực đẩy cần thiết, để đưa những chúc sắc này trở thành bộ

phận có uy thế cả về chính trị và kinh tế đối với cộng đồng làng xã. Trong một không gian sinh sống chung là nông thôn Nam Bộ, tính chất mở vẫn là đặc điểm có thể nhận thấy trong sở hữu ruộng đất của chúc sắc làng xã tại tổng Bình Trị Hạ. □

CHÚ THÍCH

- (1) Ở Nam Bộ, thôn là đơn vị hành chính có từ 50 đến 100 dân đinh, khai khẩn từ 50 đến 100 mẫu ruộng; xã có quy mô trên 200 đinh và trên 200 mẫu ruộng (Vũ Văn Quân, 2021: 94).
- (2) Hiện nay, khối tài liệu địa bạ triều Nguyễn đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1, Hà Nội.
- (3) Phụ canh là hiện tượng người làng này có ruộng đất canh tác ở làng khác.
- (4) Huyện Bình Dương gồm 6 tổng: Bình Trị Thượng, Bình Trị Hạ, Bình Trị Trung, Dương Hòa Thượng, Dương Hòa Hạ, Dương Hòa Trung.
- (5) Sửa đổi lệ quân cấp công điền (1840), điều chỉnh tô thuế ruộng đất công, ruộng đất tư (1836, 1851).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Đình Đầu. 1992. *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*. Hà Nội: Hội Sử học Việt Nam.
2. Nguyễn Đình Đầu. 1994a. *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*. TPHCM. Nxb. TPHCM.
3. Nguyễn Đình Đầu. 1994b. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Gia Định*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
4. Nguyễn Minh Tường 1996. *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Phan Huy Lê, Nguyễn Đức Nghinh, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo. 1997. *Địa bạ Thái Bình*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
6. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo. 1995. *Địa bạ Hà Đông*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
7. Phan Phương Thảo. 2002. "Vài nét về đội ngũ chúc sắc làng xã ở Bình Định nửa đầu thế kỷ XIX (qua tư liệu địa bạ)". *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3(322), tr. 62-70.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục* – tập 4. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
9. Sơn Nam. 1998. *Đất Gia Định xưa*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
10. Trần Thị Thu Lương. 2006. "Chế độ sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX". *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ* – tập 9, số 3, tr. 21-30.
11. Vũ Văn Quân (chủ biên). 2021. *Vùng đất Nam Bộ* – tập VIII. *Thiết chế quản lý xã hội*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.